

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN GIANG
TỈNH HUNG YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 05/2024/HS-ST
Ngày 09-01-2024

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN GIANG, TỈNH HUNG YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Huân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoan và ông Nguyễn Quốc Doanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Nhật – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hảo – Kiểm sát viên.

Ngày 09-01-2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 148/2023/TLST-HS ngày 30-11-2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 145/2023/QĐXXST-HS ngày 27-12-2023 của Tòa án nhân dân huyện Văn Giang, đối với các bị cáo:

1. Lương Văn H, sinh năm 1993; Tên gọi khác: Không; N sinh: huyện V, tỉnh Yên Bái; HKTT, nơi ở: Bản Giồng, xã S, huyện V, tỉnh Yên Bái; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Lương Văn B (đã chết) và con bà Hoàng Thị H1; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Chưa có; Bị tạm giữ từ ngày 16-9-2023 đến ngày 19-9-2023 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H. *Có mặt*

2. Tòng Văn T, sinh năm 1992; Tên gọi khác: Không; N sinh: huyện T, tỉnh Sơn La; HKTT, nơi ở: Bản L, xã C, huyện T, tỉnh Sơn La; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Tòng Văn L (đã chết) và con bà Lò Thị B1; Vợ là: Lò Thị T1, sinh năm 1985; Có 02 người con, con lớn sinh năm 2017 và con nhỏ sinh năm 2020; Tiền án: Chưa có; Tiền sự: Ngày 30-12-2020, bị Toà án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 20 tháng, chấp hành xong quyết định ngày 30-8-2022;

Bị bắt tạm giam ngày 20-9-2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H. *Có mặt*

3. Bạc Cầm Thuởng, sinh năm 1998; Tên gọi khác: Không; N sinh: huyện Q, tỉnh Sơn La; HKTT, nơi ở: Bản C, xã C, huyện Q, tỉnh Sơn La; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Bạc Cầm Xiên và con bà Bạc Thị T2; Vợ, con: Chưa có; Tiền án: Ngày 27-9-2022, bị Toà án nhân dân huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La xử phạt 07 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong bản án ngày 29-01-2023; Tiền sự: Chưa có; Bị tạm giam từ ngày 20-9-2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H. *Có mặt*

Người bào chữa cho các bị cáo Lương Văn H và Tòng Văn T: Bà Nguyễn Thị D – Luật sư thực hiện hợp đồng trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh H. *Có mặt*

Người bào chữa cho bị cáo B2 Cầm Thuởng: Ông Nguyễn Thế A – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh H. *Có mặt*

Bị hại: Công ty Cổ phần V – Chi nhánh H6.

Địa chỉ: Dự án Khu đô thị S, thuộc xã N, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Trung P.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Trung H2, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Bài T, Dương Q, G, Thành phố Hà Nội. *Vắng mặt*

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Trần Thị T3, sinh năm 1987; Địa chỉ: thôn H, xã C, huyện V, tỉnh Hưng Yên. *Vắng mặt*

Những người làm chứng trong vụ án:

1. Ông Vũ Văn H3, sinh năm 1959;
2. Ông Lê Quang Đ, sinh năm 1967.

Đều trú tại: thôn T, xã C, huyện V, tỉnh Hưng Yên. *Đều vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Tòng Văn T, sinh năm: 1992, HKTT: Bản L, xã C, huyện T, tỉnh Sơn La; Bạc C, sinh năm: 1998, HKTT: Bản C, xã C, huyện Q, tỉnh Sơn La; Lương Văn H, sinh năm 1993, HKTT: Bản Giồng, xã L, huyện V, tỉnh Yên Bái, có mối quan hệ quen biết với nhau và đều là đối tượng sử dụng ma túy, không có việc làm ổn định. Ngày 14-9-2023, cả 3 cùng nhau đến thuê phòng số 302 nhà nghỉ H7 ở thôn T, xã C, huyện V để ở và cùng nhau đi trộm cắp tài sản

bán lấy tiền tiêu sài và mua ma túy sử dụng. Từ ngày 14-9 đến ngày 15-9-2023, T, H và T4 đã cùng nhau liên tiếp 2 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản.

Lần thứ nhất: Vào chiều ngày 14-9-2023, T cùng với H đi mua 01 chiếc kìm cộng lực dài 44cm, tay cầm bằng kim loại, sơn màu cam, dài 35cm, được quấn một lớp vải có hoa văn màu đỏ - đen - trắng; 01 con dao dọc giấy, cán bằng nhựa màu vàng, kích thước (16x4)cm, rồi mang về nhà nghỉ. Trên đường về nhà nghỉ, T nhặt 01 chiếc bao tải dừa màu trắng ở rìa đường, rồi cất kìm cộng lực và dao dọc giấy vào bên trong, mang về cất giấu tại phòng nghỉ, với mục đích để sử dụng làm công cụ đi cắt trộm dây cáp điện. Khoảng 18 giờ cùng ngày, T rủ H và T4 đi trộm cắp tài sản, tất cả đều đồng ý; khi đi, T cầm theo chiếc bao tải dừa, bên trong có kìm cộng lực và dao dọc giấy. Cả 3 đi bộ đến cầu K trên đường G, thuộc địa phận thôn T, xã C, huyện V (giáp với khu đô thị S) để trộm cắp dây cáp điện đèn chiếu sáng của Công ty cổ phần V, thuộc Khu đô thị S. Khi đến cầu K do thời điểm này còn sớm, sợ bị phát hiện nên cả 3 chờ đến khoảng 20 giờ cùng ngày, thì cùng nhau thực hiện hành vi trộm cắp. T và H đi xuống gầm cầu để cắt dây cáp điện, T4 đứng ở rìa đường trên cầu cảnh giới. T dùng dao dọc giấy rạch ống gen bên trong có dây cáp điện, H dùng kìm cộng lực cắt dây cáp điện ở vị trí T vừa rạch ống gen được khoảng hơn 10m. Sau đó, T dùng kìm cộng lực cắt dây cáp điện thành các đoạn ngắn, có chiều dài khoảng 30cm - 40cm, và cho tất cả vào bao tải dừa. Sau khi trộm cắp được số dây cáp điện trên, T giấu kìm cộng lực và dao dọc giấy vào bụi cỏ gần gầm cầu K, để hôm sau tiếp tục sử dụng làm công cụ cắt trộm dây cáp điện, còn T4 thì đi về nhà nghỉ H7 trước. T và H mang bao tải đựng các đoạn dây cáp điện đến cửa hàng thu mua sắt vụn của chị Trần Thị T3, sinh năm: 1987, HKTT: thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, nhưng ở thôn H, xã C, huyện V để bán. Trước khi mua các đoạn dây cáp điện của T và H, chị T3 có hỏi về nguồn gốc của số dây cáp điện, thì T nói dối là đang làm công trình thi công lắp đặt điện, đây là những đoạn dây thừa bỏ đi, không dùng đến nên bán. Chị T3 đồng ý mua với giá 140.000đồng/kg và cân được 9 kg, chị T3 đã trả cho T và H, số tiền là 1.200.000 đồng. Số tiền này, T mang về nhà nghỉ H7 và chia đều cho cả 3, mỗi người được 400.000 đồng và tiếp tục rủ nhau đến 02 giờ sáng hôm sau (tức 15-9-2023), tiếp tục đi trộm cắp dây cáp điện để bán lấy tiền.

Lần thứ hai: Khoảng 02 giờ ngày 15-9-2023, T, H, T4 tiếp tục đi đến vị trí đã trộm cắp dây cáp điện lần trước để cắt trộm dây cáp điện. Khi đi đến cầu K, T đi lấy kìm cộng lực và dao dọc giấy đã cất giấu trước đó, rồi cùng với H đi xuống gầm cầu để cắt trộm dây cáp điện, còn T4 đứng ở rìa đường trên cầu cảnh giới. T dùng dao dọc giấy rạch ống gen bên trong có dây cáp điện, H dùng kìm cộng lực cắt dây cáp điện ở vị trí T vừa rạch ống gen, cả 2 cắt được khoảng 30m dây cáp điện thì dừng lại. Sau đó, T cùng H và T4 kéo sợi dây cáp điện đã cắt trộm vào bãi rác ở gần đó, T dùng kìm cộng lực cắt ngắn dây cáp điện thành từng đoạn có chiều dài khoảng 30cm - 40cm, T4 và H nhặt các đoạn dây cáp điện mà T cắt cho vào bao tải dừa. Cắt xong, T lại giấu kìm cộng lực và dao dọc giấy vào bụi cỏ gần gầm cầu K, với mục đích để hôm sau tiếp tục sử dụng để cắt trộm dây cáp điện của Công ty cổ phần V. Sau đó, T4 đi về nhà nghỉ H7 trước, còn T và H lại

mang bao tải đựng dây cáp điện trộm cắp được đến bán cho chị T3. Cũng như lần bán trước, T nói với chị T3 đây là những đoạn dây thừa bỏ đi, không dùng đến. Chị T3 đồng ý mua với giá 140.000đồng/kg và cân được 20,3kg. Đã trả cho T 3.700.000 đồng. Tuyền mang số tiền này về nhà nghỉ H7, chia đều cho cả 3, mỗi người 1.000.000 đồng, còn lại 700.000 đồng, cả ba cùng đi ăn uống hết. Toàn bộ số tiền được chia của 2 lần bán dây cáp điện trộm cắp, T, H, T4 đã tiêu xài cá nhân và mua ma túy sử dụng hết.

Do cả 3 vẫn có mục đích trộm cắp dây cáp điện của Công ty cổ phần V nên đến khoảng 22 giờ ngày 15-9-2023, T và T4 tiếp tục đi bộ từ nhà nghỉ H7 ra cầu K để thăm dò xem có ai trông coi đường dây cáp điện hay không, nếu không có người trông coi sẽ tiếp tục cắt trộm dây cáp điện; còn H ở tại phòng 302 nhà nghỉ H7 để chờ. Khi T và T4 đang đi thăm dò ở trên cầu K, thì bị Công an xã C tuần tra phát hiện có biểu hiện nghi vấn nên đã yêu cầu về Công an xã C làm việc. Tại Công an xã C, cả 2 đã thành khẩn khai nhận cùng với H thực hiện trót lọt 02 lần trộm cắp tài sản như đã nêu ở trên.

Ngoài các hành vi cùng với T và T4 trộm cắp dây cáp điện của Công ty cổ phần V, vào hồi 08 giờ 40 phút ngày 16-9-2023, tại đường C thuộc thôn T, xã C, huyện V, Lương Văn H còn thực hiện hành vi cất giấu trái phép chất ma túy trên người, đã bị Công an xã C phát hiện, bắt quả tang. Khi bị phát hiện, H tự nguyện lấy ra 01 gói giấy màu vàng, bên trong chứa chất màu trắng dạng cục và bột, được cất trong chiếc ví để ở túi quần phía trước bên phải đang mặc giao nộp cho lực lượng Công an. Kiểm tra trên người của H không phát hiện, thu giữ đồ vật gì khác. Công an xã C tiến hành niêm phong gói giấy do H giao nộp trong phong bì ký hiệu H.

Cùng ngày, Công an xã C đã bàn giao Lương Văn H cùng toàn bộ hồ sơ, vật chứng cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện V để giải quyết theo thẩm quyền.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã đưa H đến Trung tâm y tế huyện V xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể; trưng cầu giám định đối với chất đã thu giữ được của H trong niêm phong ký hiệu H4 Kết quả xét nghiệm xác định H dương tính với chất ma túy (MOP). Tại bản kết luận giám định số 517/KL-KTHS(MT) ngày 19-9-2023 của Phòng K Công an tỉnh H kết luận: Mẫu chất màu trắng dạng cục và bột trong niêm phong ghi ký hiệu H có khối lượng 0,299g là ma túy, loại Heroine (H).

Quá trình điều tra, H khai nhận, khoảng 19 giờ ngày 15-9-2023, H một mình đi bộ từ nhà nghỉ H7 ở thôn T, xã C, huyện V ra khu vực đường gom 5B (không rõ địa điểm cụ thể), mua 01 gói ma túy loại Heroin của một người nam giới không rõ nhân thân lai lịch có giá là 200.000 đồng, với mục đích là để sử dụng. Gói ma túy mua được, H cất vào trong chiếc ví màu đen và để trong túi quần. Đến ngày 16-9-2023, H mang theo gói ma túy đi tìm chỗ sử dụng thì bị bắt quả tang như đã nêu trên. Trước khi bị bắt, vào chiều ngày 15-9-2023, H đã có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy tại cánh đồng xã C, huyện V. Ngoài hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, vào đêm ngày 14 và rạng sáng ngày 15-9-2023, H

đã cùng với Tòng Văn T và B2 Cầm T4 đã 2 lần thực hiện hành vi cắt trộm dây cáp điện tại cầu K thuộc địa phận thôn T, xã C như đã nêu ở trên.

Ngày 16-9-2023, anh Trần Trung H5, sinh năm 1999, có HKTT: xã D, huyện G, thành phố Hà Nội là người được Công ty Cổ phần V ủy quyền, có đơn trình báo về việc Công ty cổ phần V bị mất 40m dây cáp điện đèn chiếu sáng, loại Cadisun 7 sợi mềm 4x16 tại cầu K, thuộc thôn T, xã C, huyện V, thiệt hại khoảng 7.000.000 đồng. Đoạn dây cáp điện bị cắt trộm ngày 14,15-9-2023, Công ty đã thay thế, đấu nối lại và sử dụng bình thường và không có thiệt hại gì khác.

Ngày 16-9-2023, chị Trần Thị T3 tự nguyện giao nộp cho Công an xã C 03 bao tải dứa, gồm: 01 bao đựng các sợi dây cáp đồng, có trọng lượng 7kg; 01 bao đựng các sợi dây cáp đồng, có trọng lượng 20,3kg; 01 bao đựng các vỏ nhựa bọc dây cáp đồng.

Ngày 18-9-2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V yêu cầu định giá đối với 10m dây cáp điện lõi đồng, loại Cadisun 4x16 bị trộm cắp ngày 14-9-2023 và 30m dây cáp điện lõi đồng loại Cadisun 4x16 bị trộm cắp ngày 15-9-2023.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 66/BKL-ĐGTS ngày 19/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện V kết luận:

- 10m dây cáp điện lõi đồng, loại Cadisun 4x16 bị trộm cắp ngày 14-9-2023, giá trị 1.936.000đồng (*Một triệu chín trăm ba mươi sáu nghìn đồng*),
- 30m dây cáp điện lõi đồng, loại Cadisun 4x16 bị trộm cắp ngày 15-9-2023, giá trị 5.808.000đồng (*Năm triệu, tám trăm linh tám nghìn đồng*).

Tổng giá trị là 7.744.000 đồng (*Bảy triệu, bảy trăm bốn mươi bốn nghìn*).

Ngày 22-9-2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V tiến hành khám nghiệm hiện trường và cho T chỉ dẫn vị trí đã thực hiện hành vi trộm cắp dây cáp điện. Quá trình khám nghiệm và chỉ dẫn đã thu giữ 01 chiếc kim cộng lực dài 44cm, tay cầm bằng kim loại, sơn màu cam dài 35cm được quấn một lớp vải có hoa văn màu trắng- đỏ- đen; 01 dao dọc giấy, cán bằng nhựa màu vàng, kích thước(16x4)cm.

Ngày 31-10-2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã trả lại anh Nguyễn Trung H2 các sợi dây cáp đồng, có tổng khối lượng là 27,3kg và các vỏ nhựa màu đen, trắng là vỏ bọc của các sợi dây cáp đồng; trả cho chị T3 03 bao tải dứa màu trắng đã qua sử dụng.

Đối với việc chị Trần Thị T3 đã mua số dây cáp điện của T và H vào đêm ngày 14-9 và rạng sáng ngày 15-9-2023, xác định chị T3 không biết tài sản là do phạm tội mà có, nên không có căn cứ để xử lý đối với chị T3.

Ngày 15-11-2023, Công an huyện V đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Lương Văn H về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy vào ngày 15-9-2023.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Trần Trung H5 yêu cầu các bị cáo phải bồi thường cho Công ty cổ phần V số tiền 4.000.000 đồng là số tiền mua dây cáp điện

để đầu nối lại nguồn điện; chị Trần Thị Thân yêu c các bị cáo phải bồi thường cho chị số tiền 4.900.000 đồng.

Vật chứng và tài sản đã thu giữ chưa xử lý gồm: 01 chiếc kim cộng lực dài 44cm, tay cầm bằng kim loại, sơn màu cam, dài 35cm, quấn một lớp vải có hoa văn màu đỏ- đen- trắng; 01 dao dọc giấy, có ốp nhựa bên ngoài màu vàng có kích thước (16x4)cm; 01 chiếc ví da màu đen; 01 phong bì hoàn mẫu giám định số 517/KL-KTHS(MT) ngày 19/9/2023 của Phòng K Công an tỉnh H, bên trong có 0,271g ma túy, loại Heroine, 01 vỏ phong bì niêm phong mẫu vật gửi giám định, 01 mảnh giấy bạc màu vàng.

Cáo trạng số 155/CT-VKSVG ngày 30-11-2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên truy tố bị cáo Lương Văn H về các tội “*Trộm cắp tài sản*” và “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo khoản 1 Điều 173 và điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự. Truy tố Tòng Văn T và Bạc C Thuởng về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Cả 03 bị cáo đều thành khẩn nhận tội và khai báo diễn biến hành vi phạm tội như hành vi của các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên truy tố trong bản Cáo trạng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lương Văn H phạm các tội “*Trộm cắp tài sản*” và “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”; Tòng Văn T và Bạc C Thuởng về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm c khoản 1 Điều 249, Điều 55; điểm s khoản 1 Điều 51 (đối với tội Tàng trữ trái phép chất ma túy); điểm h, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật hình sự (đối với tội Trộm cắp tài sản), (áp dụng đối với H); khoản 1 Điều 173, điểm h, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự (đối với T và T4); điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự (đối với T); điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự (đối với T4). Xử phạt Lương Văn H từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” và từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”; tổng hợp hình phạt của hai tội nêu trên, buộc bị cáo H phải chấp hành hình phạt từ 02 năm 09 tháng đến 03 năm 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 16-9-2023; Xử phạt Tòng Văn T từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 20-9-2023; Xử phạt Bạc Cầm Thuởng từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 20-9-2023. Về vật chứng, căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Tịch thu cho tiêu hủy 01 phong bì niêm phong hoàn mẫu vật giám định số 517/KL-KTHS(MT) ngày 19-9-2023 của Phòng K Công an

tinh H, bên trong có 0,271g ma túy, loại Heroine, 01 mảnh giấy bạc màu vàng, 01 vỏ phong bì niêm phong mẫu vật gửi giám định, 01 chiếc kim cộng lực, 01 dao dọc giấy và 01 chiếc ví da màu đen. Về trách nhiệm dân sự, căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 587, Điều 589 và Điều 357 Bộ luật dân sự; buộc bị cáo Lương Văn H, Tòng Văn T và Bạc C Thường phải liên đới bồi thường cho Công ty Cổ phần V, số tiền là 4.000.000đ, mỗi bị cáo phải bồi thường trả cho Công ty V1, số tiền là 1.333.333đ; buộc bị cáo Lương Văn H, Tòng Văn T và Bạc C Thường phải liên đới bồi thường cho Trần Thị T3, số tiền là 4.900.000đ, mỗi bị cáo phải bồi thường trả cho chị T3, số tiền là 1.633.333đ. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho cả 03 bị cáo.

- Người bào chữa cho các bị cáo H, T và T4, đều có quan điểm: Viện kiểm sát truy tố bị cáo là có căn cứ, hành vi của bị cáo đã rõ ràng; đồng ý với lời luận tội của Kiểm sát viên. Bị cáo là người dân tộc Thái nên hiểu biết pháp luật còn hạn chế, đề nghị xử phạt bị cáo với mức án thấp nhất như đề nghị của Kiểm sát viên.

Các bị cáo đồng ý với lời bào chữa và không có ý kiến bổ sung, tranh luận gì.

Các bị cáo nhận thức được lỗi lầm của mình, ăn năn hối cải, xin được giảm nhẹ hình phạt và không có ý kiến tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào chứng cứ và tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xuất trình tài liệu, chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật và không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa: Vắng mặt người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng. Qua xem xét sự vắng mặt của họ, Tòa án đã triệu tập, tổng đạt hợp lệ nên xét thấy việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử và tại phiên tòa Kiểm sát viên, Người bào chữa và cả 03 bị cáo

không yêu cầu hoãn phiên tòa. Sau khi thảo luận tại phòng xử án, căn cứ các Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử thống nhất vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3]. Lời khai nhận tội của cả 03 bị cáo phù hợp khách quan với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và được chứng minh bằng các chứng cứ khác như: Lời khai của người bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; người làm chứng; Kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đã có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 16-9-2023, tại đường C thuộc thôn T, xã C, huyện V, Công an xã C bắt quả tang Lương Văn H đang có hành vi cất giấu trái phép trên người 0,299g ma túy, loại Heroin. Mục đích H cất giấu số ma túy trên để sử dụng.

Trước đó, vào khoảng 20 giờ ngày 14-9-2023 và khoảng 02 giờ ngày 15-9-2023, tại cầu K, đường G, thuộc địa phận thôn T, xã C, huyện V, tỉnh Hưng Yên, Tòng Văn T, Lương Văn H và Bạc Cầm T5, đã có hành vi liên tục kế tiếp nhau về mặt thời gian lén lút, bí mật 02 lần cắt trộm 40m dây cáp điện lõi đồng loại Cadisun 7 sợi mềm 4x16, tổng trị giá 7.744.000đ (*Bảy triệu, bảy trăm bốn mươi bốn nghìn đồng*), được xác định là của Công ty cổ phần V, mang bán cho chị Trần Thị T3, được số tiền là 4.900.000đ (*Bốn triệu, chín trăm nghìn đồng*), rồi chia nhau tiêu sài cá nhân và mua ma túy sử dụng hết.

Với hành vi nêu trên của Lương Văn H đã phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 và tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Hành vi của Tòng Văn T và Bạc Cầm T5 đã phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang đã truy tố Lương Văn H, Tòng Văn T và Bạc Cầm T5 theo tội danh và điều luật thể hiện trong Cáo trạng số 155/CT-VKSVG ngày 30-11-2023 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, gây mất trật tự trị an xã hội, gây tâm lý lo lắng trong quần chúng nhân dân. Cả 03 bị cáo đều có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình nhưng cố ý phạm tội, thể hiện bị cáo không chịu rèn luyện bản thân nên cần xử lý nghiêm.

[4]. Đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và vai trò của từng bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

4.1. Về nhân thân: Cả 03 bị cáo đều có nhân thân xấu, thể hiện các bị cáo là đối tượng nghiện chất ma túy, sống lang thang, không có nghề nghiệp ổn định, bị cáo T đã từng bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và bị cáo T5 đã bị kết án về tội trộm cắp tài sản.

4.2. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Bị cáo H và T đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự;
- Bị cáo T5 đã hai lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản mặc dù lần một bị cáo trộm cắp tài sản có giá trị dưới 2.000.000đ nhưng bị cáo đã bị kết án, chưa được xoá án tích; Ngày 27-9-2022, T5 bị Toà án nhân dân huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La xử phạt 07 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong bản án ngày 29-01-2023, đến nay chưa được xoá án tích nên T5 phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Phạm tội hai lần trở lên” và “Tái phạm” theo quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

4.3. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Đối với tội Tàng trữ trái phép chất ma túy: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên H được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

- Đối với tội trộm cắp tài sản: Cả 03 bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; cả ba bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; bị cáo H và T đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, cần cho bị cáo H, T được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo T5 được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, với đặc điểm nhân thân cùng tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã phân tích, thấy cần thiết phải cách ly cả 03 bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đảm bảo việc giáo dục, cải tạo bị cáo nói riêng và phòng chống tội phạm nói chung.

[5]. Về hình phạt bổ sung, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo sống lang thang, không nghề nghiệp; Gia đình bị cáo T thuộc hộ nghèo; bị cáo H và T5 là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với cả 03 bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự, căn cứ khoản 2 Điều 47, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 587, Điều 589 và Điều 357 Bộ luật dân sự.

- Tài sản các bị cáo trộm cắp của Công ty Cổ phần V, Cơ quan Điều tra đã thu và trả lại cho Công ty Cổ phần V nhưng đại diện Công ty V yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền là 4.000.000đ, xét thấy yêu cầu của Công ty là chính đáng, đúng quy định của pháp luật, được chấp nhận. Vì vậy, buộc bị cáo Lương Văn H, Tòng Văn T và Bạc C Thuởng phải liên đới bồi thường cho Công ty Cổ phần V,

số tiền là 4.000.000đ, mỗi bị cáo phải bồi thường trả cho Công ty V1, số tiền là 1.333.333đ;

- Quá trình điều tra: Chị Trần Thị Thân yêu c các bị cáo phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho chị số tiền là 4.900.000 đồng do chị đã trả các bị cáo khi mua tài sản. Xét thấy, yêu cầu của chị T3 là chính đáng, chị T3 không có lỗi nên buộc bị cáo Lương Văn H, Tòng Văn T và Bạc C Thường phải liên đới bồi thường cho Trần Thị T3, số tiền là 4.900.000đ, chia theo kỹ phần mỗi bị cáo phải bồi thường trả cho chị T3, số tiền là 1.633.333đ.

[7]. Về vật chứng, căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a,c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, vật chứng được xử lý như sau: 01 phong bì niêm phong hoàn mẫu vật giám định số 517/KL-KTHS(MT) ngày 19-9-2023 của Phòng K Công an tỉnh H, bên trong có 0,271g ma túy, loại Heroine, 01 mảnh giấy bạc màu vàng, 01 vỏ phong bì niêm phong mẫu vật gửi giám định, 01 chiếc kim cộng lực, 01 dao dọc giấy và 01 chiếc ví da màu đen là công cụ bị cáo dùng vào việc phạm tội và là vật nhà nước cấm lưu hành, vật không có giá trị nên tịch thu cho tiêu hủy.

[8]. Về án phí: Gia đình bị cáo Tòng Văn T thuộc hộ nghèo; bị cáo Lương Văn H và Bạc Cầm T đều là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho cả 03 bị cáo, theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

[9]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 173; điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 (đối với tội Trộm cắp tài sản và tội Tàng trữ trái phép chất ma túy); điểm h, i khoản 1 Điều 51, Điều 17 và Điều 58 (đối với tội trộm cắp tài sản); điểm a khoản 1 Điều 55; Điều 38 Bộ luật Hình sự (đối với Lương Văn H).

- Khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự (đối với Tòng Văn T).

- Khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự (đối với Bạc Cầm T5).

+ Tuyên bố: Lương Văn H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” và tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”; Tòng Văn T và Bạc C Thường đều phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

+ Xử phạt: Lương Văn H 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” và 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”; tổng hợp hình phạt của hai tội nêu trên, buộc Lương Văn H phải chấp hành hình phạt chung là 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 16-9-2023.

+ Xử phạt: Tòng Văn T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 20-9-2023.

+ Xử phạt: Bạc Cầm Thường 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 20-9-2023.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Tịch thu cho tiêu huỷ: 01 phong bì niêm phong hoàn mẫu vật giám định số 517/KL-KTHS(MT) ngày 19-9-2023 của Phòng K Công an tỉnh H, bên trong có 0,271g ma túy, loại Heroine, 01 mảnh giấy bạc màu vàng, 01 vỏ phong bì niêm phong mẫu vật gửi giám định, 01 chiếc kim cộng lực, 01 dao dọc giấy và 01 chiếc ví da màu đen.

(Tình trạng, đặc điểm vật chứng như theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 11-12-2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện V với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Giang)

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 2 Điều 47 và khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 587, Điều 589 và Điều 357 Bộ luật dân sự.

- Buộc bị cáo Lương Văn H, Tòng Văn T và B2 Cầm Thường, mỗi bị cáo phải bồi thường trả cho Công ty Cổ phần V – Chi nhánh H6, địa chỉ: Dự án Khu đô thị S tại xã N, huyện V, tỉnh Hưng Yên, số tiền là 1.333.333đ (*Một triệu ba trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng*);

- Buộc bị cáo Lương Văn H, Tòng Văn T và B2 Cầm Thường, mỗi bị cáo phải bồi thường trả cho Trần Thị T3, địa chỉ: thôn H, xã C, huyện V, tỉnh Hưng Yên, số tiền là 1.633.333đ (*Một triệu, sáu trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng*).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp lệ, người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành tương ứng với thời gian chậm trả.

4. Về án phí: Miễn án phí Hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho Lương Văn H, Tòng Văn T và Bạc Cầm T5.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 09-01-2024). Bị hại (*vắng mặt*) có quyền kháng cáo bản án và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (*vắng mặt*) có quyền kháng cáo phần nội dung bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”

Nơi nhận:

- VKS, CA, Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- VKS, Công an huyện Văn Giang;
- Chi cục THADS huyện Văn Giang;
- Bị cáo; bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án, VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Huân